



Nghệ An, ngày 13 tháng 04 năm 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG  
THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Kính gửi:

SỞ XÂY DỰNG NGHỆ AN

**ĐẾN** Số.....11871  
Ngày.....13/4/2026  
Chuyển.....

- Sở Xây dựng Nghệ An;
- Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, nhà thầu thi công; các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.

*Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ năng lực thiết bị, năng lực nhân sự của Công ty. Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và thương mại Đông Dương Công bố công khai năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng như sau :*

**1. Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng công bố năng lực: Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và thương mại Đông Dương**

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2901286566 cấp lần đầu ngày 22 tháng 11 năm 2010 và thay đổi lần ba ngày 09 tháng 06 năm 2021 Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và đầu tư Tỉnh Nghệ an cấp;

Giám đốc: Nguyễn Thị Lan

Địa chỉ: Số 25, Đường hồ sỹ Dương khôi 17, Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0912.920.618 ( Anh Tuất Trưởng Phòng ) 0977.877.250 ( Thanh )

- Email: Vanthanhlas1042@gmail.com

Website: <https://dongduongjsc.vn>

Mã số thuế: 2901286566

**2. Thông tin phòng thí nghiệm xây dựng: Phòng thí nghiệm kiểm định chất lượng**

Địa chỉ văn phòng 1: Số 25, Đường hồ sỹ Dương khôi 17, Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An

Địa chỉ văn phòng 1: Số 38, Đường hồ sỹ Dương khối 17, Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An

Trưởng Phòng : Nguyễn Văn Tuất

Số điện thoại : 0912.920.618

- Email: Vanthanhlas1042@gmail.com

**3. Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm và tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm (danh mục kèm theo công bố này)**

**4. Danh mục thiết bị thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm (danh mục kèm theo công bố này)**

**5. Danh mục thí nghiệm viên (danh mục kèm theo công bố này)**

**6. Nội dung Quyết định này được công bố tại (Wed: <https://dongduongjsc.vn> )**

Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và thương mại Đông Dương cam kết thông tin công khai năng lực là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Web; <https://dongduongjsc.vn>

- SXD Tỉnh Nghệ An


- Lưu: VT

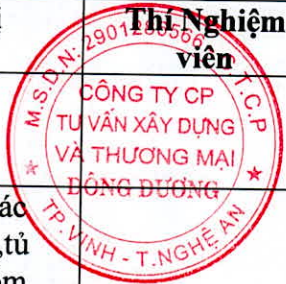



**DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM VÀ TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT**  
 (Kèm theo quyết định số: 13.1304/2026/QĐ-CBNL ngày 13 tháng 04 năm 2026 của Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và thương mại Đông Dương)





TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Máy móc, thiết bị	Thí Nghiệm viên
<b>I</b>	<b>PHÉP THỬ CƠ LÝ XI MĂNG</b>			Nguyễn Văn Thanh Đậu Xuân Nam Trần Văn Lâm
1	Độ mịn, khối lượng riêng, khối lượng thể tích	TCVN 13605:2023; ASTM C430; ASTM C188; ASTM C204; AASHTO T153; ASHTO T192	Bộ tỷ diện xi măng (dùng đo độ mịn xi măng), Sàng 90 µm, Thùng đong, Cân chính xác đến ± 0,01 g, dầu hỏa, Bình Khối lượng riêng	
2	Xác định cường độ uốn, nén	TCVN 6016:2011; TCVN 7569:2022; TCVN 9488:2012; ASTM C109/109M	Máy nén, Thước lá, bộ giá uốn nén 4x4x16 cm, bàn dằn mẫu	
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và ổn định thể tích, xác định khả năng giữ nước, đóng rắn nhanh	TCVN 6017:2015; ASTM C187; ASTM C191; AASHTO T131; TCVN 9202:2012; TCVN 9488:2012	Máy trộn, Đồng hồ bấm giây, Vành Khâu, thùng luộc mẫu, khuôn lơ satowlie Ông đong có vạch chia hoặc buret, Cân chính xác đến ± 0,01 g, dụng cụ Vica	
<b>II</b>	<b>HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG</b>			Nguyễn Văn Thanh Đậu Xuân Nam Trần Văn Lâm
4	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022	Bộ đo độ sụt, thước lá	
5	Xác định khối lượng thể tích bê tông	TCVN 3115:2022	Cân chính xác đến ± 5 g, thùng đong, thước lá, Tủ sấy	
6	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993	Cân chính xác đến ± 5 g, thùng đong, thước lá, Tủ sấy	
7	Phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993	Cân kỹ thuật 100kg, bộ sàng cát, đá ....	
8	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022		
9	Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116:2022	Máy thử thấm paraphing hoặc mỡ bi ô tô	
10	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022; ASTM C39/C39M; AASHTO T22M/T22; EN 12390-3;	Máy nén, thước lá	
11	Thiết kế cấp phối bê tông	TCVN 9382:2012		
<b>III</b>	<b>THỬ CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA, VẬT LIỆU ĐÁ DẪM</b>			Nguyễn Văn Thanh Đậu Xuân Nam Trần Văn Lâm
12	Thành phần cỡ hạt, hàm lượng hạt	TCVN 7572-02:2006 TCVN 6221:1997 TCVN 9205:2012 AASHTO T11	Cân chính xác đến ± 5 g, bộ sàng tiêu chuẩn	
13	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích	TCVN 7572-04:2006 TCVN 7572-05:2006	Cân chính xác đến 1%, thùng đong bằng kim loại	


TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Máy móc, thiết bị	Thí Nghiệm viên
	và độ hút nước, của cốt liệu nhỏ, cốt liệu lớn và đá gốc	AASHTO T85	hình trụ có dung tích 11, 21, 51, 101, 201, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy có điều chỉnh nhiệt độ ổn định từ 105°C đến 110°C, thước lá	 Nguyễn Văn Thanh Đậu Xuân Nam Trần Văn Lâm
14	Xác định khối lượng thể tích, độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-06:2006 ASTM C29	Cân chính xác đến 1%, thùng đong bằng kim loại hình trụ có dung tích 11, 21, 51, 101, 201, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy có điều chỉnh nhiệt độ ổn định từ 105°C đến 110°C, thước lá	
15	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-07:2006 ASTM C70	Cân chính xác đến 1%, tủ sấy có điều chỉnh nhiệt độ ổn định từ 105°C đến 110°C	
16	Xác định hàm lượng bụi, bùn, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục, hạt sét trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-08:2006 ASTM C142 AASHTO T112	Cân chính xác đến 1%, tủ sấy có điều chỉnh nhiệt độ ổn định từ 105°C đến 110°C, thùng rửa cốt liệu, tấm kính hoặc tấm kim loại phẳng	
17	Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006; ASTM C40/C40M; AASHTO T21	ống dung tích hình trụ dung tích 250 ml và 100 ml, cân kỹ thuật có độ chính xác 0,1 %, thang màu, sàng có kích thước lỗ 20 mm, thuốc thử: NaOH dung dịch 3 %, tananh dung dịch 2 %; rượu êtylic dung dịch 1 %	
18	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006 ASTM D2938	máy nén thủy lực, máy khoan và máy cưa đá, máy mài nước, thước kẹp, thùng hoặc chậu để ngâm mẫu	
19	Xác định độ nén đập trong xi lanh và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006	Cân chính xác đến 1%, tủ sấy có điều chỉnh nhiệt độ ổn định từ 105°C đến 110°C, thùng hoặc chậu để ngâm mẫu máy nén thủy lực, bộ sàng tiêu chuẩn	
20	Xác định độ mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy (Log Angeles)	TCVN 7572-12:2006 ASTM C535 AASHTO T96	máy Los Angeles, bi thép có khối lượng từ mỗi viên từ 390 g đến 445 g, cân kỹ thuật độ chính xác 1%, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy	
21	Xác định hàm lượng hạt thoi, dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006; ASTM D4791-2023; BS EN 933-3-2012; BS EN 933-4-2008 ; BS EN	cân kỹ thuật độ chính xác 1%, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy, thước kẹp cái tiền	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Máy móc, thiết bị	Thí Nghiệm viên	
		933-5-1998 BS 812- part 105.1-1989			
22	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:2006 AASHTOT112	cân kỹ thuật độ chính xác 1%, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy, kim sắt và kim nhôm, búa con		
23	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ, độ góc cạnh	TCVN 7572-18:2006	cân kỹ thuật chính xác đến 0,1%, kính lúp		
24	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:2006	cân kỹ thuật độ chính xác 0,001 g, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy, giấy nhám, đĩa thủy tinh		
25	Xác định độ ẩm, độ hút nước	TCVN 10321:2014	Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 0,1 g, Tủ sấy có khả năng duy trì được nhiệt độ ổn định ở các mức từ 50 °C đến 200°C, Búa sắt, Hộp đựng mẫu, Bình hút ẩm có nắp đậy kèm chất hút ẩm Silicatgel, Bàn chải, khăn sạch và các dụng cụ thông thường khác		Nguyễn Văn Thanh Đậu Xuân Nam Trần Văn Lâm
26	Xác định khối lượng thể tích của đá	TCVN 10322:2014	Các loại cân kỹ thuật, có độ chính xác 0,01 g và 0,1 g, Máy khoan, máy cưa cắt đá, Máy mài đá, Thước kẹp hoặc thiết bị đo, phù hợp có khả năng đo độ dài của mẫu thử với độ chính xác 0,1 mm, Tủ sấy có khả năng duy trì được nhiệt độ ổn định ở các mức từ 50 °C đến 200 °C		
27	Xác định độ góc cạnh của cốt liệu thô	TCVN 11807:2017	Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 0,1 g, Tủ sấy có khả năng điều chỉnh nhiệt độ, Bộ Góc cạnh ( thùng đong, phễu, giá đỡ )		
28	Hàm lượng hạt nhỏ hơn 75µm	TCVN 9205:2012	cân kỹ thuật độ chính xác 0,001 g, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy		
IV	<b>THỬ NGHIỆM HỖN HỢP VỮA</b>				
29	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022	Cân chính xác đến ± 5 g, bộ sàng tiêu chuẩn		
30	Xác định độ hút nước của vữa đóng rắn	TCVN 3121-18:2022	Cân chính xác đến 0,1%, tủ sấy, Thùng lưu mẫu, cân thủy tinh, Đồng hồ bấm giây, Bốn miếng đệm, Khay, Nước đã khử khoáng	Nguyễn Văn Thanh Đậu Xuân Nam Trần Văn Lâm	


TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Máy móc, thiết bị	Thí Nghiệm Viên
			hoặc nước cất, Khuôn kim loại	
31	Xác định khối lượng thể tích của vữa đóng rắn	TCVN 3121-10:2022	Cân chính xác đến 1g, tủ sấy, thước kẹp có độ chính xác 0.1mm, cân thủy tĩnh	
32	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022	Cân chính xác đến 1g, thùng đong 1 lit	
33	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:2022 ASTM C109/C109M	Máy nén, Thước lá, bộ giá uốn nén 4x4x16 cm	
34	Vữa khô trộn sẵn: cường độ nén	TCVN 9204:2012 ASTM C940	Máy nén, Thước lá, bộ giá uốn nén 4x4x16 cm	
35	Vữa dùng cho bê tông nhẹ: Xác định kích thước hạt, cường độ nén, hút nước	TCVN 9028:2011	Máy nén, Thước lá, bộ giá uốn nén, thùng ngâm mẫu, Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 0,1 %, Bộ sàng tiêu chuẩn, Tủ sấy có khả năng duy trì được nhiệt độ ổn định ở các mức từ 105 <sup>0</sup> C <sub>+5<sup>0</sup></sub> C và 60 <sup>0</sup> C <sub>+5<sup>0</sup></sub> C	
36	Vữa keo chít mạch và dán gạch: Độ bền uốn, bền nén	TCVN 7899:2008	Máy nén, Thước lá, bộ giá uốn nén	
37	Vữa chèn cáp dự ứng lực: cường độ nén	TCVN 11971:2018	Máy nén, Thước lá, bộ giá uốn nén	
<b>VIII</b>	<b>KIỂM TRA THÉP XÂY DỰNG, KIM LOẠI</b>			
38	Kiểm tra mối hàn bằng phương pháp siêu âm (UT)	TCVN 6735:2018 TCVN 1548:87 AWS D1.1/D1.1M	Máy siêu âm khuyết tật mối hàn	Nguyễn Văn Thanh
39	Xác định khối lượng	TCVN 1651 - 1:2018	Thước kẹp, cân kỹ thuật, thước lá	Đậu Xuân Nam Trần Văn Lâm Nguyễn Hà Đông
40	Thử kéo	TCVN 197-1:2014; TCVN 7937:2013; TCVN 13711-2:2023;TCVN 12513-1:2018 TCVN 10952:2015; ASTM A1061; ASTM A370; ASTM A53; ASTM B557; JIS Z2241; TCVN 8310:2010; TCVN 8311:2010; TCVN 6368:1998; TCVN 11243:2016; ASTM E8 TCVN 314:2008	Máy kéo uốn vạn năng, thước kẹp, cân kỹ thuật, thước lá	
41	Thử uốn, uốn lại	TCVN 198:2008;	Máy kéo uốn vạn năng và	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Máy móc, thiết bị	Thí Nghiệm viên	
		ASTM A370; JIS Z2248- 2022; TCVN 7937:2013; TCVN 6287:1997; TCVN 6288:1997; TCVN 5401:2010	phụ kiện ( đồ gá, gối đỡ, đầu búa uốn các cỡ ... )		
42	Thử kéo thép cốt bê tông – mối nối bằng ống ren	TCVN 13711-2: 2023; TCVN 81633:2009; TCVN 197: 2014	Máy kéo uốn vạn năng, thước kẹp		Đậu Xuân Nam Trần Văn Lâm Nguyễn Hà Đông
43	Mối hàn kim loại ; Thử uốn, Thử kéo	TCVN 5401: 2010; TCVN 5403:1991; TCVN 8310: 2010; TCVN 8311: 2010; AASHTO T68	Máy kéo uốn vạn năng, thước kẹp, cân kỹ thuật, thước lá và phụ kiện ( đồ gá, gối đỡ, đầu búa uốn các cỡ ... )		
44	Thử kéo bulông	TCVN 1916:1995;	Máy kéo uốn vạn năng, thước kẹp, bộ gá thử kéo bulong các cỡ		
<b>IX</b>	<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT, CÁT ĐẬP, CẤP PHÔI ĐÁ DẼM, SỎI, VẬT LIỆU DẠNG HẠT</b>				
45	Xác định khối lượng riêng	TCVN 4195:2012; ASTM D854; AASHTO T100	Nước cất, Dầu hoá , Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 0,01 g, Bình tỷ trọng có dung tích không nhỏ hơn 100 cm <sup>3</sup> , Cối sứ và chày sứ hoặc cối đồng và chày đồng, Rây có lưới N <sup>o</sup> 2 (kích thước lỗ rây 2 mm, Bếp cát, Tủ sấy điều chỉnh được nhiệt độ, Bơm chân không có cả bình hút chân không, Tỷ trọng kế, Phễu nhỏ, Thiết bị ổn nhiệt, Cốc nhỏ hoặc hộp nhôm có nắp	Trần Văn Lâm Võ Văn Đức	
46	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012; ASTM D2216; AASHTO T265	Tủ sấy điều chỉnh được nhiệt độ đến 300 °C, Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 0,01 g, Bình hút , Cốc nhỏ bằng thủy tinh hoặc hộp nhôm có nắp, thể tích lớn hơn hay bằng 30 cm <sup>3</sup> , Rây có đường kính lỗ 1 mm, Cối sứ và chày sứ có đầu bọc cao su, Khay men để phơi đất	Trần Văn Lâm Võ Văn Đức	
47	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy của đất xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 4197:2012; ASTM D4318; AASHTO T89; AASHTO T90	Bộ thí nghiệm chảy dẻo, Rây với kích thước lỗ 1 mm, Cối sứ và chày có đầu bọc cao su, Bình thủy tinh		


TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Máy móc, thiết bị	Thí Nghiệm viên
			có nắp, Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 0,01 g, Cốc nhỏ bằng thủy tinh hoặc hộp nhôm có nắp dùng để xác định độ ẩm, Tủ sấy điều chỉnh được nhiệt độ, Bát sắt tráng men hoặc sứ, Dao để nhào trộn	 Trần Văn Lâm Võ Văn Đức
48	Xác định thành phần hạt của đất xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 14135-5:2024; TCVN 14134-3:2024; TCVN 4198:2014; AASHTO T88; TCVN 4198 - 14	Cân chính xác đến $\pm 5$ g, bộ sàng tiêu chuẩn, Máy sàng lắc,....	
49	Phương pháp xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm, đầm nén Proctor	TCVN 4201:2012; TCVN 12790:2020; AASHTO T99; AASHTO T180	Máy đầm chuẩn, Cân kỹ thuật có độ chính xác 0,01 kg, Sàng có lỗ 5 mm, Bình phun nước, Tủ sấy điều chỉnh được nhiệt độ, Hộp nhôm hoặc cốc thủy tinh có nắp để xác định độ ẩm, Dao gạt đất, Khay hoặc chậu để trộn đất, Vải để phủ đất, Vò để đập vỡ đất cục, Cối sứ và chày bọc cao su để nghiền đất	
50	Xác định tỷ số CBR trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020; 22TCN332-06; AASHTO T193	Máy đầm tạo mẫu, khuôn CBR, Máy nén CBR, Tấm đo trương nở, Giá đỡ thiên phân kế, đồng hồ thiên phân kế	
51	Xác định hàm lượng hữu cơ của đất	TCVN 8726:2012; AASHTO T267; ASTM D2974	Nung trong lò muffle ở $455^{\circ}\text{C} \pm 10^{\circ}\text{C}$ trong 6 giờ, Tủ sấy, có thể sấy tới $300^{\circ}\text{C}$ , Bình hút ẩm có chất hút ẩm silicagel, Các cân kỹ thuật có độ chính xác 0,10g ; 0,01g; Các cân phân tích có độ chính xác 0,001 g hoặc 0,0001 g; Cối và chày bằng sứ hoặc thủy tinh, đầu chày bọc cao su; Các sàng thí nghiệm lỗ 2 mm; 0,25 mm; Hộp chia mẫu nhiều rãnh hoặc dụng cụ chia mẫu thích hợp; Các ống đong bằng thủy tinh, có dung tích chuẩn 10; 25 ; 50; 100; 250 ;500 và 1000 ml; Ống hút (pipet) chia vạch chính xác đến 0,1 ml; Ống chuẩn độ	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Máy móc, thiết bị	Thí Nghiệm viên
			(buret) các loại dung tích 10; 25 ml, chia vạch chính xác đến 0,1 ml. Ống nhỏ giọt; Bình tam giác các loại, có dung tích chuẩn 50; 100; 250; 500 và 1000 ml; Giấy lọc định tính; Bếp đun; Các dụng cụ thí nghiệm thường dùng khác	
<b>X</b>	<b>BÊ TÔNG NHỰA</b>			
52	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall của bê tông nhựa	TCVN 8860-1:2011 ASTM D6927 AASHTO T245	Máy nén Marshall, khuôn gá nén Marshall, đầm tạo mẫu BTN, khuôn, kích tháo mẫu, bể ổn định nhiệt, tủ sấy, nhiệt kế, cân 5kg, thước kẹp và các dụng cụ phụ trợ	
53	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay ly tâm của bê tông nhựa	TCVN 8860-2:2011 AASHTO T164 ASTM D2172	Máy chiết nhựa li tâm, cân điện tử chính xác 0,01g, tủ sấy, giấy lọc, dung môi và các dụng cụ phụ trợ	
54	Xác định thành phần hạt của bê tông nhựa, hàm lượng vật liệu nhỏ hơn 0,075 mm xác định bằng phương pháp rửa	TCVN 8860-3:2011 AASHTO T27 AASHTO T11 ASTM C136/C136M	Cân chính xác đến 0,1%, bộ sàng tiêu chuẩn	
55	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011; AASHTO T209	Cân chính xác đến 0,1% g, nhiệt kế chính xác đến 1 °C, bình hút chân không, bình đựng mẫu, áp kế chân không, bơm hút chân không, khay và các dụng cụ phụ trợ	
56	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011; ASTM D2726; AASHTO T166; AASHTO T275	Cân chính xác đến 0,1% g, nhiệt kế chính xác đến 1 °C, bể nước, dây treo và giỏ đựng mẫu, tủ sấy	
57	Xác định hệ số độ chặt lu lèn của bê tông nhựa	TCVN 8860-6:2011; ASTM 6390; AASHTO T305	Phương pháp tính toán	
58	Hỗn hợp bê tông nhựa nóng, Thiết kế thành phần cấp phối theo phương pháp Marshall, lựa chọn tỷ lệ và thành phần vật liệu trong bê tông nhựa	TCVN 8820:2011	Phương pháp tính toán	
59	Xác định độ rỗng dư của bê tông nhựa	TCVN 8860-9:2011; AASHTO T269; ASTM D3203	Phương pháp tính toán	
60	Xác định độ rỗng cốt liệu của bê tông nhựa	TCVN 8860-10:2011	Phương pháp tính toán	


Trần Văn Lâm  
Võ Văn Đức


TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Máy móc, thiết bị	Thí Nghiệm viên
61	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa của bê tông nhựa	TCVN 8860-11:2011	Phương pháp tính toán	 Trần Văn Lâm Võ Văn Đức
62	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011	Phương pháp tính toán	
63	Xác định thành phần hỗn hợp bê tông nhựa	TCVN 8820:2011	Cân chính xác đến $\pm 5$ g, bộ sàng tiêu chuẩn	
<b>XI</b>	<b>NHỰA BITUM, NHỰA AXIT, NHỰA ĐƯỜNG LỎNG</b>			Võ Văn Đức Trần Văn Lâm
64	Phương pháp lấy mẫu	TCVN 7494:2005		
65	Xác định độ kéo dài ở 25 °C	TCVN 7496:2005; TCVN 11194:2017	Máy kéo dài (5cm $\pm$ 0,5 cm/phút ) nhiệt kế, khay đựng nước, TB gia nhiệt, TB đun chảy nhựa, khuôn bằng đồng	
66	Xác định nhiệt độ hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:2005	Khuôn có đường kính trong 15,9 $\pm$ 3mm cao 6,4 $\pm$ 4mm; Bi thép đường kính 9,5 $\pm$ 0,03mm nặng 3,5 $\pm$ 0,05g; Vòng dẫn hướng bi thép; nhiệt kế, bình thủy tinh	
67	Xác định điểm chớp cháy (cốc mở Cleveland)	TCVN 7498:2005; ASTM D92; AASHTO T48	thiết bị thí nghiệm bốc cháy nhựa Dùng để xác định nhiệt độ bắt lửa và nhiệt độ bốc cháy của nhựa; đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 7498:2005 ( Nhiệt độ làm việc từ: 6~400°C ) đồng hồ bấm giây, thiết bị gia nhiệt,	
68	Xác định lượng tồn thất sau khi gia nhiệt, Xác định lượng tồn thất khối lượng của nhựa đường	TCVN 7499:2005 TCVN 11711:2017	Tủ sấy 300 °C, hộp nhôm, Thiết bị tồn thất khi nung ( Bao gồm: Mô tơ tốc độ tiêu chuẩn, giá quay, 09 hộp mẫu tiêu chuẩn chịu nhiệt ), cân	
69	Xác định tỷ lệ độ kim lún ở 25 °C, chỉ số kim lún PI	TCVN 7495:2005 TCVN 13567-1	Máy đo độ kim lún	
70	Xác định lượng hòa tan trong Tricloetylen	TCVN 7500:2023; ASHTO T44; ASTM D 2042	Bộ thiết bị lọc, cốc thử, Lưới sợi thủy tinh, Bình lọc, Ống lọc, Ống cao su hoặc bộ gá, bình tam giác có dung tích 125 ml, Tủ sấy duy trì nhiệt độ ở 110 °C $\pm$ 5 °C, Nhiệt kế, có phạm vi đo từ 5 °C đến 170 °C có độ chính xác đến $\pm 0,3$ °C, Cân có độ chính xác đến 0,0001 g, Bể ổn nhiệt có khả năng duy trì nhiệt độ ở 38 °C $\pm 0,3$ °C	Võ Văn Đức Trần Văn Lâm

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Máy móc, thiết bị	Thí Nghiệm viên
71	Xác định khối lượng riêng	TCVN 7501:2005; ASTM D2196; ASTM D70/D70M	Tỷ trọng kế, Bể ổn nhiệt duy trì ổn định nhiệt độ của phép thử $\pm 0,1$ °C, Bình tỷ trọng nhựa 25ml	
72	Xác định độ nhớt động học	TCVN 7502:2005 ASTM D2170	Thiết bị xác định độ nhớt động của nhựa đường (Kinematic Viscomete) Thông số kỹ thuật cơ bản (Phạm vi kiểm soát nhiệt độ: Môi trường xung quanh đến 100°C; Độ phân giải nhiệt độ: $\pm 0,01$ °C; Bể nhiệt độ không đổi: 20L thủy tinh, vỏ bọc Mica trong chịu lực); Đồng hồ bấm giây;	Võ Văn Đức Trần Văn Lâm
73	Xác định hàm lượng paraffin bằng phương pháp chưng cất của bitum	TCVN 7503:2005	Máy chưng cất mẫu ( Phục vụ cho Máy xác định hàm lượng Paraffin trong nhựa đường ), Cân có độ chính xác đến 0,0001 g, Đồng hồ bấm giây	
74	Xác định độ dính bám đối với đá	TCVN 7504:2005; ASTM D3625; AASHTO T182	Cốc mô, bếp điện, tủ sấy, giá treo mẫu	
75	Xác định nhiệt độ bắt lửa của nhựa lỏng	TCVN 8818-2:2011	thiết bị thí nghiệm bốc cháy nhựa Dùng để xác định nhiệt độ bắt lửa và nhiệt độ bốc cháy của nhựa; đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 7498:2005 ( Nhiệt độ làm việc từ: 6~400°C ) đồng hồ bấm giây, thiết bị gia nhiệt,	Trần Văn Lâm Võ Văn Đức
76	Xác định hàm lượng nước	TCVN 8818-3:2011	Thiết bị thí nghiệm xác định hàm lượng nước ( Phù hợp: TCVN 8818-3 : 2011) Bồn: Bếp gia nhiệt, bình chưng cất, bình ngưng, giá đỡ	
77	Thử nghiệm chưng cất của nhựa lỏng	TCVN 8818-4:2011	Thiết bị chưng cất nhũ tương - Ứng Dụng: Là bộ dụng cụ thí nghiệm xác định hàm lượng nhựa và hàm lượng dầu có trong nhũ tương nhựa đường. Thông số kỹ thuật: Nồi chưng cất làm bằng thép mạ: Có chiều cao khoảng 240 mm, đường kính trong khoảng 95 mm, có nắp đậy và các kẹp. - Đèn đốt dạng vòng đường	Trần Văn Lâm Võ Văn Đức

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Máy móc, thiết bị	Thí Nghiệm viên
			kính 125mm - Đèn busen gia nhiệt - Ống dẫn và ống ngưng bằng thủy tinh - Ống đong thủy tinh 100ml - Nhiệt kế có phạm vi đo từ -2°C đến 300°C - Giá đỡ và phụ kiện Bộ bao gồm: Nồi chưng cất, nhiệt kế thủy tinh, ống ngưng lạnh, ống đo thể tích 500ml, đèn busen.	
<b>XIV</b>	<b>THỬ CƠ LÝ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA</b>			
78	Xác định thành phần hạt, xác định độ ẩm, xác định hệ số thích nước, Xác định khối lượng riêng, Xác định chỉ số dẻo	TCVN 12884-2:2020 TCVN 8735:2012 TCVN 4197:2012	Tủ sấy, cân có độ chính xác 0,01g, bếp cách cát, bình tỷ trọng 100ml, Bộ sàng tiêu chuẩn, bát sứ, chày bọc cao su, ống đong	Trần Văn Lâm Võ Văn Đức
<b>XV</b>	<b>THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG</b>			
79	Xác định khối lượng thể tích tại hiện trường	TCVN 8729:2012	Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 0,01 g, bộ dao đai, Các sàng phân tích tiêu chuẩn, Các hộp nhôm có nắp đậy kín, bếp ga hoặc cồn 90 độ, Ống nhỏ giọt (pipet), Dụng cụ đào đất, khay đựng đất, dao cắt đất, thìa xúc, kim bằng thép	Trần Văn Lâm Võ Văn Đức
80	Xác định độ ẩm tại hiện trường	TCVN 8728:2012	Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 0,01 g, Các hộp nhôm có nắp đậy kín, Bình hút ẩm, Cồn 96°C (đốt cháy hết không còn nước), Ống nhỏ giọt (pipet), Dụng cụ đào đất, khay đựng đất, dao cắt đất, thìa xúc, kim bằng thép	
81	Xác định độ chặt đầm nén hiện trường bằng phương pháp dao đai	TCVN 12791:2020; 22TCN 02:1971; ASTM D2937 AASHTOT204	Cân chính xác đến $\pm 5$ g, bộ dao đai, bếp ga hoặc cồn 90 độ, khay đựng mẫu	Trần Văn Lâm Võ Văn Đức
82	Xác định độ chặt đầm nén hiện trường bằng phương pháp rót cát	TCVN 8730:2012; 22TCN 346:06; ASTM D1556; AASHTOT191	Cân chính xác đến $\pm 5$ g, bộ rót cát, bếp ga hoặc cồn 90 độ, khay đựng mẫu	
83	Xác định modul đàn hồi, modul biến dạng nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011;	Kích thủy lực có gắn đồng hồ đo lực, thiên phân kế, tấm ép cứng, Cần Benkelman	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Máy móc, thiết bị	Thí Nghiệm viên
84	Xác định mô đun đàn hồi chung của áo đường bằng cần Benkelman	TCVN 8867:2011; ASTM D4729; AASHTO T256	Cần Benkelman, xe đo có tải trọng 10 tấn, xe tải trực đơn bánh đôi có khoảng hở 5cm	Trần Văn Lâm Võ Văn Đức
85	Phương pháp xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp móng đường bằng vật liệu rời tại hiện trường	TCVN 8821:2011	Kích gia tải, Bộ CBR hiện trường ( Bao gồm: 2 cần nổi dài 300 và 500mm, piston xuyên dài 150mm, cung lực 50KN, hộp số gia tải bằng hệ thống bánh vít trục vít quay tay, giàn thiên phân kế, 02 đồng hồ so 10 x 0,01mm, 3 quả gia tải tiêu chuẩn )	
86	Xác định độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011	thước 3m, calip đo chênh cao	
87	Xác định độ nhám mặt đường	TCVN 8866:2011;	Cát chuẩn, Hộp đựng, ống đong bằng thép, bàn xoa chuẩn, chổi mềm, Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 0,01 g, thước lá 500mm	
88	Đo điện trở đất	TCVN 9385:2012; TCVN 9358:2012	Máy đo điện trở đất	Nguyễn Đình Phúc
89	Thí nghiệm tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012	Hệ gia tải gồm kích, bơm và hệ thống thủy lực, Tấm đệm đầu cọc và đầu kích bằng thép bản, Đồng hồ đo biến dạng (0-:-50mm) chính xác 0.01mm,	Nguyễn Văn Tuất Nguyễn Văn Thanh Võ Văn Đức
90	Xác định cường độ bê tông hiện trường bằng phương pháp khoan mẫu	TCVN 12252:2020; TCXDVN 239:2006; ASTM C42	Máy khoan, máy cắt mẫu, máy nén vụn năng	Nguyễn Văn Thanh Đậu Xuân Nam Trần Văn Lâm
<b>XVI</b>	<b>GẠCH XÂY</b>			Trần Văn Lâm
91	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan của gạch xây	TCVN 6355-1:2009	Thước đo	
92	Cường độ nén của gạch xây	TCVN 6355-2 :2009	Máy nén thủy lực, Máy cưa, Thước đo, Các miếng kính, Bay, chảo	
93	Cường độ uốn của gạch xây	TCVN 6355-3:2009	Máy nén thủy lực, gỏi uốn, Máy cưa, Thước đo, Các miếng kính, Bay, chảo	
94	Độ hút nước của gạch xây	TCVN 6355-4:2009	Tủ sấy tới 200 °C có điều chỉnh nhiệt độ, Cân kỹ thuật, Thùng hoặc bể ngâm mẫu	
95	Độ khối lượng thể tích của gạch xây	TCVN 6355-5:2009	Tủ sấy tới 200 °C có điều chỉnh nhiệt độ, Cân kỹ thuật, Thước đo	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên
96	Xác định độ rỗng của gạch xây	TCVN 6355-6:2009	Cân kỹ thuật, thùng hoặc bể ngâm mẫu	 Trần Văn Lâm
<b>XVII</b>	<b>GẠCH CHỊU NHIỆT, GẠCH BÊ TÔNG, BÊ TÔNG TỰ CHÈN, BÊ TÔNG NHẸ</b>			
97	Gạch chịu nhiệt: Kích thước, độ bền nén, khối lượng riêng, khối lượng thể tích, độ hút nước,	TCVN 6530:1999	Máy nén thủy lực, Máy cưa, Thước đo, Các miếng kính, Bay, chảo, Tủ sấy tới 200 °C có điều chỉnh nhiệt độ, Cân kỹ thuật, thùng hoặc bể ngâm mẫu	
98	Gạch bê tông: Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan; cường độ nén, độ hút nước, độ thấm nước, độ rỗng.	TCVN 6477:2016	Máy nén thủy lực, Máy cưa, Thước kẹp, Thước lá thép Các miếng kính, Bay, chảo, Tủ sấy có điều chỉnh nhiệt độ, Cân kỹ thuật, thùng hoặc bể ngâm mẫu, Cát khô, Bộ thử độ thấm nước	
99	Gạch bê tông tự chèn: Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan; cường độ nén, độ hút nước.	TCVN 6476:1999	Máy nén thủy lực, Máy cưa, Thước đo, Các miếng kính, Bay, chảo, Tủ sấy có điều chỉnh nhiệt độ, Cân kỹ thuật, thùng hoặc bể ngâm mẫu	Trần Văn Lâm
100	Sản phẩm bê tông nhẹ: Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan, cường độ nén, khối lượng thể tích, độ ẩm, độ hút nước	TCVN 7959:2017; TCVN 9030:2017	Máy nén thủy lực, Máy cưa, Thước đo, Các miếng kính, Bay, chảo, Tủ sấy có điều chỉnh nhiệt độ, Cân kỹ thuật, thùng hoặc bể ngâm mẫu	
101	Gạch Terazo: Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan, uốn, hút nước	TCVN 7744:2013	Thước đo Thiết bị thử uốn gạch men Ceramic (Màn hình cảm ứng) Phù hợp tiêu chuẩn: TCVN 6415:2005 Màn hình hiển thị điện tử kỹ thuật số, cài đặt tốc độ tăng tải tùy ý; màn hình cảm ứng độ nhạy cao	
<b>XXI</b>	<b>THỬ NGHIỆM DUNG DỊCH KHOAN ( BENTONITE VÀ DUNG DỊCH BENTONITE POLYME)</b>			
102	Dung dịch Bentonite, Bentonite Polyme: Xác định khối lượng riêng, độ nhớt, hàm lượng cát, tỷ lệ chất keo, lượng mất	TCVN 11893:2017; TCVN 13068:2020	Bộ thí nghiệm Bentonite ( Thí nghiệm 4 chỉ tiêu: Hàm lượng cát, độ nhớt, tỷ trọng, độ PH ) thiết bị đo lượng mất nước	Trần Văn Lâm Võ Văn Đức

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Máy móc, thiết bị	Thí Nghiệm viên
	nước, độ dày áo sét, độ pH, tính ổn định, lực cắt tĩnh		và độ dày áo sét Bentonite (Cung cấp bao gồm : Giá đỡ, Đồng hồ đo áp lực, Bộ phận chứa và nén Bentonite, Ống đo bằng thủy tinh, Tăng đỡ) Dụng cụ đo lực cắt tĩnh của dung dịch Bentonite (Cung cấp bao gồm : Thước đo chia vạch cường độ gel tính bằng pound/100 feet vuông; Bộ bao gồm hai ống cắt rỗng 89 x 36 mm, cốc mẫu với thước đo gắn ở tâm đáy cốc, 5-gram, Kích thước: 100 x 100 x 220 (mm), Khối lượng: khoảng 0,3 kg, Hộp đựng chống va đập	

**Ghi chú (\*):** Các chỉ tiêu kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.

## DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM VÀ TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

(Kèm theo quyết định số: 13.1304/2026/QĐ-CBNL ngày 13 tháng 04 năm 2026 của Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và thương mại Đông Dương)



STT	Tên máy	Kiểu/mod en	Xuất Xứ	Số lượng
1	Máy kéo nén đa năng	WE-1000B	Trung Quốc	1
2	Máy kéo nén đa năng	WA-1000	Trung Quốc	1
3	Máy thử độ bền nén, uốn	TYE-2000	Trung Quốc	1
4	Máy thử độ bền nén, uốn	TYA-300	Trung Quốc	1
5	Máy thử thấm bê tông	HS-4	Trung Quốc	1
6	Bộ dụng cụ xác định khối lượng riêng của bê tông nhựa	-		1
7	Máy trộn bê tông thí nghiệm trực ngang	HJW-60		1
8	Bộ sàng cấp phối đá dăm	-		2
9	Thùng hấp mẫu xi măng			1
10	Bộ sàng bê tông nhựa	-		2
11	Sàng đo độ mịn xi măng D200 cỡ 0,09mm		Trung Quốc	1
12	Bộ sàng đất	-		2
13	Bộ sàng đá	-		2
14	Bộ sàng cát	-		2
15	Máy lắc sàng D300	8411	Trung Quốc	1
16	Bộ đo k rót cát	-		1
17	Bộ dao vòng	-		1
18	Bộ kiểm tra độ thấm của gạch	-		2
19	Bộ xi lanh nén đập đá dăm D75 mm và D150mm	-		2
20	Tủ bảo dưỡng mẫu	YH-40B		1
21	Tủ sấy 300°C	XMTA-5000	Trung Quốc	1
22	Bộ cân Benkenman	-	Việt Nam	1
23	Thước 3m với thước đo độ võng	-	Trung Quốc	1
24	Cờ lê lực – Xiết bulong	T-350NT		1
25	Kích thủy lực 300 tấn	HHYG-300A	Việt Nam	1
26	Kích thủy lực 32 tấn	-	-	1
27	Máy chiết nhựa	DLC-3	Trung Quốc	1
28	Bộ kim lún nhựa	IV-2000	Trung Quốc	2
29	Thiết bị hoá mềm nhựa	-	Việt nam	1
30	Thiết bị giãn dài nhựa	SY-1,5	Trung Quốc	1
31	Máy đầm chặt	CSK-VI	Trung Quốc	1
32	Máy trộn vữa	YSD 8024/8	Trung Quốc	
33	Cân phân tích 220g	INS-224A	Trung Quốc	1
34	Cân phân tích 15kg	OHAUS	Mỹ	1
35	Cân phân tích 05kg	DJ-5000TW	Nhật	1
36	Cân phân tích 100kg	-	Trung Quốc	1

37	Đồng hồ đo biến dạng (0-:50mm) chính xác 0.01mm	-	Trung Quốc	4
38	Thiết bị thí nghiệm xác định hàm lượng nước	LHS-1	Trung Quốc	1
39	Bộ tỷ diện xi măng (dùng đo độ mịn xi măng)	DBT-127	Trung Quốc	2
40	Thiết bị siêu âm khuyết tật mỗi hàn	XUT560C	Mỹ	1
41	Bộ betonite hiện trường (bao gồm 4 chỉ tiêu: Hàm lượng cát, độ nhớt, tỷ trọng, độ PH)	ANY-1	Trung Quốc	1
42	Máy kiểm tra lực cắt tĩnh betonite	-	Trung Quốc	1
43	Máy đo độ dày áo sét, tách nước betonite	-	Trung Quốc	1
44	Máy đo điện trở tiếp địa (chống sét)	VITOR 4105A	Trung Quốc	1
45	Khuôn Le Chatelier (đo độ ổn định thể tích)	-	Trung Quốc	
46	Bộ gá kéo bu lông M6-M45mm	-		1
47	Bộ Tấm ép cứng ( D76, D33 của bộ đo E	-		1
48	Máy dẫn xi măng	ZS-15	Trung Quốc	1
49	Thiết bị lò nung 1000°C	4-10	Trung Quốc	1
50	Bộ dụng cụ vica	-	Trung Quốc	1
51	Ổng đồng thủy tinh	-	T.Tech	1
52	Thiết bị xác định độ nhớt động của nhựa đường (Kinematic Viscomete)	SYD-265E	Trung Quốc	1
53	Khuôn Marshall	-	Việt Nam	12
54	Bể ổn nhiệt marshall điện tử	CF-B	Trung Quốc	1
55	Máy nén Marshall	LWD-3	Trung Quốc	1
56	Mũi khoan rút lõi bê tông 159x450mm	-	Trung Quốc	1
57	Thiết bị thí nghiệm xác định hàm lượng nước	LHS-1	Trung Quốc	1
58	Đồng hồ	-		12
59	Bộ khuôn CBR	-		12
60	Máy nén CBR	-	Trung Quốc	1
61	Máy nén CBR	CBR-III A	Trung Quốc	1
62	Bộ CBR hiện trường	-		1
63	Thiết bị thử uốn gạch men Ceramic -(Màn hình cảm ứng)	-	Trung Quốc	1
64	Máy mài mòn Los Angeles	MH-I	Trung Quốc	1
65	Bộ thí nghiệm kim lún	-	Trung Quốc	1
66	Thiết bị đo hàm lượng Parafin trong nhựa đường	WSY-10	Trung Quốc	1
67	Thiết bị xác định độ nhớt động của nhựa đường Bitum (Kinematic Viscomete)	SYD-265E	Trung Quốc	1
68	Máy chung cất mẫu ( Phục vụ cho Máy xác định hàm lượng	SYD-0615-1	Trung Quốc	1

	Paraffin trong nhựa đường )			
69	Thiết bị tổn thất khi nung (Bao gồm: Mô tơ tốc độ tiêu chuẩn, giá quay, 09 hộp mẫu tiêu chuẩn chịu nhiệt )	-	Việt Nam	1
70	Máy chưng cất mẫu (Bao gồm: Nồi chưng cất, nhiệt kế thủy tinh, ống ngưng lạnh, ống đo thể tích 500ml, đèn busen )	-	Việt Nam	1
71	Phiếu lọc xốp thủy tinh ( Dùng để xác định hàm lượng tricloetylen )	-	Trung Quốc	1
72	Bình tam giác có nhánh 500ml, dùng xác định hàm lượng tricloetylen	-		1
73	Bình tỷ trọng nhựa 25ml dùng xác định khối lượng riêng của nhựa	-		2
74	Bình hút chân không D300mm, thủy tinh	-	Trung Quốc	1
75	Bình hút âm D300mm	-	Trung Quốc	1
76	Bơm chân không 760mmhg kèm đồng hồ áp chân không	-	Trung Quốc	1
77	Thiết bị thí nghiệm bốc cháy nhựa	SYD-3536	Trung Quốc	1
78	Bộ xác định độ nhám mặt đường bằng PP rắc cát	-	Việt Nam	1
79	Bộ dụng cụ xác định khối lượng riêng gồm Máy hút chân không	VE115N		1
80	Thiết bị xác định giới hạn chảy casagrande Bao gồm: Bộ dụng cụ xác định độ giới hạn chảy của đất kèm bộ đếm, dụng cụ khía rãnh, miết rãnh, dao trộn, bát trộn, hộp đựng bằng gỗ	-		1
81	Nhiệt kế điện tử TP101 ( -50 đến 300 độ C )	TP101	Trung Quốc	
82	Các thiết bị dụng chung gồm dụng cụ gồm gá nén, uốn, kéo, cắt, ngói kê, khuôn, khay đựng mẫu, hóa chất, Đũa thủy tinh, Bình tỷ trọng nhựa 25ml, Ống đong nhựa 100ml, Ống đong nhựa 250ml, Bình tam giác 250ml, Pipet thẳng 10ml, Pipet thẳng 10ml Bình tỷ trọng 250ml, Ống đong nhựa 500ml, Thước lá 500mm, mũi khoan, thủng đong ...	-	-	1



## DANH MỤC THÍ NGHIỆM VIÊN

(Kèm theo quyết định số: 13.1304/2026/QĐ-CBNL ngày 13 tháng 04 năm 2026 của Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và thương mại Đông Dương)



STT	Họ và tên	Chức vụ	Công việc thực hiện	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Tuất	Trưởng Phòng thí nghiệm	Trưởng Phòng thí nghiệm - Điều hành mọi công việc liên quan đến phòng thí nghiệm. - Chịu trách nhiệm chung về công tác quản lý chất lượng, công tác thí nghiệm của Phòng thí nghiệm xuất ra khỏi phòng trước khách hàng. - Quản lý chuyên môn và thực hiện thí nghiệm vật liệu trong phòng.	
2	Trần Văn Lâm	Thí nghiệm viên	<b>Nhân viên phòng thí nghiệm.</b> - Thí nghiệm vật liệu trong phòng. - Thí nghiệm vật liệu hiện trường	
3	Võ Văn Đức	Thí nghiệm viên	<b>Nhân viên phòng thí nghiệm.</b> - Thí nghiệm vật liệu trong phòng. - Thí nghiệm vật liệu hiện trường	
4	Nguyễn Hà Đông	Thí nghiệm viên	<b>Nhân viên phòng thí nghiệm.</b> - Thí nghiệm vật liệu trong phòng. - Thí nghiệm vật liệu hiện trường	
5	Đậu Xuân Nam	Thí nghiệm viên	<b>Nhân viên phòng thí nghiệm.</b> - Thí nghiệm vật liệu trong phòng. - Thí nghiệm vật liệu hiện trường	
6	Nguyễn Văn Thanh	Thí nghiệm viên	<b>Nhân viên phòng thí nghiệm.</b> - Thí nghiệm vật liệu trong phòng. - Thí nghiệm vật liệu hiện trường	
7	Nguyễn Đình Phúc	Thí nghiệm viên	<b>Nhân viên phòng thí nghiệm.</b> - Thí nghiệm trong phòng. - Thí nghiệm hiện trường	